

VIỆC THAY ĐỔI, BỔ SUNG VÀ RÚT YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TOÀ SƠ THẨM DÂN SỰ

Bùi Thị Huyền*

Theo nguyên tắc quyền tự định đoạt của đương sự, đương sự có quyền tự quyết định việc khởi kiện vụ án dân sự để yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, của Nhà nước hay của người khác. Tòa án chỉ thụ lý vụ án dân sự khi có đơn khởi kiện của đương sự, người đại diện của đương sự và Tòa án chỉ giải quyết trong phạm vi yêu cầu của đương sự, người đại diện của đương sự. Trong quá trình tố tụng, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi, bổ sung các yêu cầu của mình; có quyền thỏa thuận giải quyết với nhau về các vấn đề có tranh chấp một cách tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Cho nên, phạm vi xét xử của Tòa án tại phiên tòa sơ thẩm dân sự là yêu cầu của đương sự được xác định công khai tại phiên tòa. Do đó, để xác định phạm vi xét xử tại phiên tòa sơ thẩm, Điều 217 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS) quy định trước khi hỏi về nội dung vụ án, chủ tọa phiên tòa hỏi đương sự về các vấn đề thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu, cụ thể:

- Hỏi nguyên đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện hay không?

- Hỏi bị đơn có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu phản tố hay không (nếu có phản tố)?

- Hỏi người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có thay đổi, bổ sung, rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu độc lập hay không?

1. VIỆC THAY ĐỔI, BỔ SUNG YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TOÀ SƠ THẨM DÂN SỰ

Theo Từ điển Tiếng Việt, “thay đổi” là thay cái này bằng cái khác, “bổ sung” là thêm

vào cho đầy đủ¹. Như vậy, thay đổi, bổ sung yêu cầu là việc thay yêu cầu này bằng yêu cầu khác, đưa thêm yêu cầu mới. Để bảo đảm quyền lợi của đương sự và đảm bảo cho việc giải quyết vụ án đúng thời hạn, tại phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử (HĐXX) chỉ chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự, nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của họ không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập ban đầu. Quy định này nhằm đảm bảo cho đương sự phía bên kia có điều kiện biết trước được yêu cầu của đương sự đối lập để chuẩn bị các chứng cứ, tài liệu chống lại yêu cầu đó và thực hiện việc tranh tụng một cách tốt nhất. Việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự phải được ghi vào biên bản phiên tòa. Trong trường hợp HĐXX chấp nhận yêu cầu thay đổi, bổ sung của đương sự thì phải ghi trong bản án. Tuy nhiên, hiểu như thế nào là “yêu cầu ban đầu” và “vượt quá yêu cầu ban đầu” là vấn đề có nhiều quan điểm khác nhau.

1.1. Về “yêu cầu ban đầu”

Quan điểm thứ nhất cho rằng, yêu cầu ban đầu là yêu cầu được thể hiện trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, đơn phản tố của bị đơn, đơn yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan².

Ý kiến khác lại cho rằng, yêu cầu ban đầu là yêu cầu cuối cùng được đưa ra trước khi Tòa án mở phiên tòa. Trong tố tụng dân sự, đương sự có quyền yêu cầu khởi kiện và có quyền tự định đoạt nên trong suốt quá trình tố tụng từ khi nộp đơn đến trước khi mở phiên tòa, tức là

¹ Từ điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, năm 2003

² Nghị quyết số 02 ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của BLTTDS, tr. 21.

* Thạc sỹ Luật học, Khoa Pháp luật Dân sự, Đại học Luật Hà Nội.

sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử đương sự vẫn được quyền thay đổi, bổ sung, rút yêu cầu của mình theo mọi chiều hướng mà vẫn được Toà án chấp nhận. Mặt khác, cũng không có quy định nào của BLTTDS hạn chế quyền định đoạt của đương sự trong giai đoạn này. Yêu cầu cuối cùng được đưa ra trước khi Toà án mở phiên toà mới là yêu cầu đương sự thể hiện mong muốn Toà án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Chúng tôi cho rằng, hai ý kiến trên đều có những điểm hợp lý, nhưng cả hai ý kiến đó đều chỉ tập trung vào việc giải thích thế nào là ban đầu. Để giải quyết vấn đề chúng ta phải làm rõ thế nào là “*yêu cầu*” và “*ban đầu*”. Khi các đương sự có quyền, lợi ích hợp pháp bị vi phạm, tranh chấp họ có quyền khởi kiện để Toà án xem xét, giải quyết. Phạm vi giải quyết của Toà án được xác định trên cơ sở yêu cầu của các đương sự, đó chính là quan hệ pháp luật nội dung tranh chấp giữa các bên đương sự. Như vậy, cần phải hiểu từ “*yêu cầu*” ở đây chính là quan hệ pháp luật nội dung tranh chấp giữa các bên mà Toà án có nhiệm vụ xem xét. Nếu hiểu theo quan điểm thứ nhất, quyền tự định đoạt của các đương sự sẽ bị hạn chế, vì theo nguyên tắc quyền tự quyết định và tự định đoạt trong quá trình tố tụng, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi, bổ sung các yêu cầu của mình so với yêu cầu được đưa ra trong đơn khởi kiện, đơn phản tố, đơn yêu cầu độc lập và được phản ánh trong các biên bản lấy lời khai, hoà giải tại Toà án. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, các hoạt động cung cấp, thu thập chứng cứ của các chủ thể đều nhằm mục đích cho việc giải quyết các yêu cầu đó. Khi Toà án ra quyết định đưa ra xét xử tại phiên toà, trong giai đoạn chuẩn bị cho việc mở phiên toà thực chất là việc Toà án nghiên cứu kỹ lại các yêu cầu, các chứng cứ, tài liệu chứng minh cho yêu cầu đó. Nếu chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu trong giai đoạn này, Toà án sẽ phải thông báo cho đương sự phía bên kia, thu thập chứng cứ... tức là lại phải có thời gian để chuẩn bị việc xét xử cho yêu cầu mới được thay đổi, bổ sung. Điều đó sẽ làm kéo dài quá trình tố tụng và không hợp lý. Vì vậy, cần phải hiểu yêu cầu ban đầu cùng là quan hệ

pháp luật tranh chấp được đưa ra trước khi Toà án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử (thường là buổi hoà giải cuối cùng).

1.2. Về “*không vượt quá*” yêu cầu ban đầu

Theo quy định của Điều 217, khoản 1 Điều 218 BLTTDS tại phiên toà sơ thẩm, đương sự có quyền thay đổi, bổ sung nếu không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu. Nhận thức về cụm từ “*vượt quá*” có nhiều quan điểm khác nhau.

Quan điểm thứ nhất cho rằng, “theo quy định tại Điều 218 BLTTDS thì quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự tại phiên toà bị hạn chế theo hướng rút bớt yêu cầu thì được, còn theo hướng thêm thì không được. Quy định này vừa hạn chế quyền tự định đoạt và quyền bảo vệ của đương sự vừa làm cho Toà án đứng trước nguy cơ phải giải quyết các yêu cầu của đương sự ở nhiều vụ án. Việc quy định hạn chế quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự theo hướng giới hạn phạm vi yêu cầu của pháp luật tố tụng dân sự (PLTTDS) hiện hành là không có cơ sở. Điều đó mới chỉ quan tâm tạo điều kiện thuận lợi cho Toà án mà chưa quan tâm đến quyền lợi của đương sự... Do đó, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 218 BLTTDS theo hướng việc thay đổi, bổ sung yêu cầu tại phiên toà của đương sự được HĐXX chấp nhận nếu không làm cho phải hoãn phiên toà mới giải quyết được vụ án”³.

Ý kiến thứ hai cho rằng, không được vượt quá yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu là không được đưa thêm yêu cầu mới đồng thời không được tăng giá trị yêu cầu, có nghĩa không được gây bất lợi cho các đương sự khác. Ví dụ: Ban đầu A khởi kiện đòi B 20 triệu đồng theo hợp đồng vay nợ được ký kết giữa A và B vào ngày 20/10/2004. Tại phiên toà, A yêu cầu đòi thêm B 10 triệu đồng nữa và A xuất trình chứng cứ cho rằng ngày 10/11/2004 B vay thêm A 10 triệu đồng nữa. Theo quan điểm

³ Tài liệu hội thảo khoa học cấp trường, Đề tài: “*Về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự*”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2005.

này, yêu cầu đòi thêm B 10 triệu đồng của A không được chấp nhận vì đã vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu.

Ý kiến thứ ba cho rằng, không được vượt quá yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu là không vượt quá phạm vi yêu cầu ban đầu⁴. Nhưng vấn đề ở đây phải giải thích cụm từ “phạm vi” là phạm vi quan hệ pháp luật tranh chấp hay phạm vi về giá trị yêu cầu.

Theo chúng tôi, không vượt quá yêu cầu ban đầu là không làm xuất hiện thêm quan hệ pháp luật tranh chấp mới so với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu hay yêu cầu tại phiên tòa không làm phát sinh thêm quan hệ pháp luật mới. Chúng ta sẽ xem xét vấn đề trên thông qua tình huống sau.

Ví dụ: Ban đầu nguyên đơn khởi kiện đòi bị đơn 30 triệu đồng là tiền mà nguyên đơn đã cho bị đơn vay. Trong trường hợp này, quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản, giá trị tranh chấp là 30 triệu đồng. Việc xem xét để giải thích cụm từ không vượt quá yêu cầu ban đầu phải xem xét sự giải thích đó có vi phạm các nguyên tắc, có trái với quy định của PLTTDS hay không và phải tính đến yêu cầu, mục đích của hoạt động tố tụng.

Nếu cho rằng, tại phiên tòa nguyên đơn có quyền đưa thêm yêu cầu Tòa án giải quyết một quan hệ pháp luật mới (ngoài hợp đồng vay tài sản) là điều khó tìm được sự đồng tình của các Thẩm phán cũng như những người làm công tác nghiên cứu. Bởi “thực tế chứng minh rằng, tranh tụng chỉ có hiệu quả nếu mỗi đương sự có được sự hiểu biết đầy đủ và toàn diện các yêu cầu và lý lẽ chống lại mình. Về mặt logic, người ta chỉ có thể đối đáp lại những gì mà mình biết”⁵. Do đó, để bảo đảm quyền bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khi đương sự thay đổi, bổ sung yêu cầu thì đương sự phải đưa ra các tài liệu,

chứng cứ chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp đồng thời phải thông báo cho đương sự phía bên kia biết về việc đã bị khởi kiện về vấn đề gì (quan hệ pháp luật gì). Có nghĩa phiên tòa phải là một sân chơi bình đẳng, các bên phải biết rõ mình kiện ai, kiện về vấn đề gì và bị ai kiện về vấn đề gì, có điều ai là người có đủ lý lẽ, chứng cứ sẽ là người thắng cuộc ở sân chơi đó. Cho nên, tại phiên tòa đương sự không thể có quyền đưa thêm yêu cầu Tòa án giải quyết một quan hệ pháp luật mới, điều đó nhằm đảm bảo cho đương sự có cơ hội tiếp cận yêu cầu của đương sự phía bên kia, bảo đảm khả năng quyền được bảo vệ của các đương sự và bảo đảm thực hiện nguyên tắc tranh tụng.

Nhưng nếu cho rằng, tại phiên tòa đương sự cũng không có quyền tăng thêm giá trị cho dù nó không làm phát sinh thêm một quan hệ pháp luật mới là cứng nhắc (Ví dụ: tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả thêm 10 triệu đồng vì nguyên đơn mới tìm thêm được một giấy vay nợ nữa về khoản tiền 10 triệu đồng mà nguyên đơn đã cho bị đơn vay). Ở đây cần hiểu rằng, các tài liệu chứng cứ mà bên đưa ra yêu cầu phải xuất trình khi khởi kiện để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp là các chứng cứ chứng minh rằng họ có quyền khởi kiện đối với quan hệ pháp luật đó, còn trong quan hệ pháp luật ấy ai là người có quyền, ai là người có nghĩa vụ và quyền, nghĩa vụ như thế nào thì khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mới xác định được. Theo quy định của PLTTDS hiện hành, trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều có quyền cung cấp chứng cứ, tài liệu mới và thực tế đã chứng minh nhiều trường hợp những chứng cứ quan trọng thường được các đương sự giữ kín đến phiên tòa sơ thẩm hoặc phúc thẩm mới xuất trình. Thậm chí còn chờ một HĐXX “*ung ý*” mới xuất trình. Những chứng cứ mới đó có thể làm tăng giá trị yêu cầu hoặc giảm nghĩa vụ phải thực hiện của đương sự. Vì vậy, chỉ khi nào những chứng cứ mới làm phát sinh một quan hệ pháp luật mới mới gây sự bất lợi cho đương sự phía đối lập và cần phải được tách riêng để giải quyết bằng một vụ việc khác. Còn nếu chỉ là sự gia tăng về giá trị yêu cầu

⁴ Nghị quyết số 02 ngày 12/5/2006 của HĐPTATC hướng dẫn thi hành các quy định trong phần thứ hai “Thủ tục giải quyết các vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm” của BLTTDS, tr 21.

⁵ Phạm Như Hưng, *Nguyên tắc tranh tụng trong luật Tố tụng dân sự Cộng hòa Pháp*, Tạp chí Luật học số 4/2003, tr. 45.

nhưng không làm phát sinh thêm quan hệ pháp luật mới cần giải quyết thì vẫn được chấp nhận. Chỉ khi nào, PLTTDS Việt Nam có quy định về thời hạn cung cấp, giao nộp chứng cứ của các đương sự thì yêu cầu về tăng giá trị mới có thể không được chấp nhận.

2. VIỆC RÚT YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ TẠI PHIÊN TOÀ SƠ THẨM DÂN SỰ

Rút yêu cầu là việc đương sự từ bỏ một phần hoặc toàn bộ yêu cầu mình đã đưa ra để yêu cầu Toà án giải quyết. Khi đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu thì một phần hoặc toàn bộ quan hệ pháp luật tranh chấp mà trước đó họ yêu cầu Toà án xem xét giải quyết không còn nữa nên Toà án phải giải quyết hậu quả của việc rút yêu cầu. Việc xem xét, giải quyết việc rút yêu cầu của đương sự được quy định tại Điều 217, 218 BLTTDS. Điều 218 BLTTDS quy định: *“Trong trường hợp đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đã rút”*. Tuy nhiên, việc hiểu và áp dụng các điều luật này có nhiều ý kiến khác nhau. Chúng ta sẽ xem xét vấn đề trên trong từng trường hợp cụ thể.

2.1. Đối với trường hợp, vụ án chỉ có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Khi nguyên đơn rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đã rút (Điều 218 BLTTDS). Vấn đề đặt ra ở đây là hình thức của quyết định đình chỉ xét xử đó như thế nào? Điều 218 của BLTTDS không quy định cụ thể và Nghị quyết số 02 ngày 12/5/2006 cũng không hướng dẫn về vấn đề này.

a. Trong trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu

Ý kiến thứ nhất cho rằng, việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện tại phiên toà sơ thẩm được thực hiện trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, vì vậy nếu nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu, HĐXX phải áp dụng điểm c Khoản 1 Điều 192 và Điều 193 BLTTDS để ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án và đương sự có

quyền kháng cáo trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định.

Ý kiến thứ hai cho rằng, Điều 192 và Điều 193 BLTTDS quy định việc đình chỉ giải quyết vụ án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm mà không có điều luật dẫn chiếu đến việc sẽ áp dụng các căn cứ này tại phiên toà sơ thẩm, vì vậy căn cứ vào Điều 218 BLTTDS, Toà án đình chỉ xét xử đối với toàn bộ yêu cầu (thực chất trong trường hợp này là đình chỉ giải quyết vụ án) nhưng quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Chúng tôi đồng tình với ý kiến thứ hai. Trước kia, theo Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự (PLTTGQCVADS), căn cứ đình chỉ giải quyết vụ án ở giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm được quy định tại Điều 46 và Điều 46 được dẫn chiếu tiếp đến Khoản 2 Điều 52. Như vậy, nếu các căn cứ được quy định tại Điều 46 PLTTGQCVADS xảy ra tại phiên toà sơ thẩm, HĐXX sẽ ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án theo Khoản 2 Điều 52 PLTTGQCVADS và hậu quả pháp lý của việc đình chỉ được thực hiện giống như ở thời điểm trước khi mở phiên toà. Nhưng BLTTDS không quy định giống như PLTTGQCVADS, tức là Điều 192 không được dẫn chiếu tới một quy định nào ở phần thủ tục tiến hành phiên toà. Có lẽ đây là chủ ý của các nhà làm luật và các nhà làm luật có lý do khi không quy định như vậy. Trước phiên toà các đương sự đã có thời gian để cân nhắc quyết định của mình và tại phiên toà nếu đương sự rút đơn khởi kiện sau đó lại có thể chống lại quyết định của mình thì Toà án sẽ phải mở phiên toà, kéo dài quá trình tố tụng, Toà án phải chạy theo đương sự. Cho nên, tại phiên toà mà nguyên đơn rút đơn khởi kiện thì họ sẽ không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị. Cách quy định như BLTTDS hiện nay buộc đương sự phải suy nghĩ thận trọng khi rút đơn khởi kiện tại phiên toà.

b. Trong trường hợp nguyên đơn rút một phần yêu cầu

Ý kiến thứ nhất cho rằng, Toà án sẽ xét xử phần còn lại, nhưng chỉ đề cập việc rút một phần yêu cầu ở phần nhận thấy của bản

án mà không đề cập ở phần xét thấy và phần quyết định của bản án.

Ý kiến thứ hai cho rằng, Toà án sẽ xét xử phần còn lại, phần yêu cầu mà đương sự rút sẽ được HĐXX nhận định trong phần nhận định nhưng không quyết định trong phần quyết định của bản án.

Hai ý kiến trên gặp phải vướng mắc là về nguyên tắc viết bản án, để đảm bảo tính chặt chẽ, logic của bản án thì tất cả những vấn đề được đưa ra ở phần nhận thấy đều phải được nhận định, đánh giá trong phần nhận định sẽ phải được quyết định trong phần quyết định của bản án.

Theo chúng tôi, Toà án sẽ xét xử phần còn lại, phần yêu cầu mà đương sự rút sẽ được HĐXX đề cập ở phần nhận thấy, nhận định và quyết định trong phần quyết định của bản án và giống như trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu, phần quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu có hiệu lực pháp luật ngay, đương sự không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

2.2. Đối với trường hợp, vụ án có yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập

Điều 219 BLTTDS quy định, trong trường hợp nguyên đơn rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố của mình thì bị đơn trở thành nguyên đơn và nguyên đơn trở thành bị đơn. Nếu cả nguyên đơn và bị đơn đều rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện hoặc yêu cầu phản tố, nhưng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trở thành nguyên đơn, người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập trở thành bị đơn. Như vậy, trong trường hợp này BLTTDS không quy định về trường hợp nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, nhưng bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn giữ nguyên yêu cầu độc lập của mình. Theo chúng tôi, trong trường hợp này, nguyên đơn vẫn còn một phần yêu cầu đối với bị đơn và bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ trả lời yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn nên không thể dẫn đến việc thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự và cách giải quyết sẽ giống trường hợp được quy định tại Điều 218 BLTTDS.

Quyền phản tố của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là điểm mới của BLTTDS so với các văn bản pháp luật trước kia. Trong Tiếng Việt phản tố là “ngược lại, ngược trở lại”⁶, do đó trong tố tụng dân sự phản tố là việc bị đơn kiện ngược lại nguyên đơn về một quan hệ pháp luật khác với quan hệ pháp luật nguyên đơn đã kiện bị đơn nhưng có liên quan đến quan hệ pháp luật nguyên đơn đã kiện bị đơn. Yêu cầu phản tố được coi là có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nếu yêu cầu phản tố để bù trừ nghĩa vụ với yêu cầu của nguyên đơn; yêu cầu phản tố được chấp nhận dẫn đến loại trừ việc chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn; giữa yêu cầu phản tố và yêu cầu của nguyên đơn có sự liên quan với nhau và nếu được giải quyết trong cùng một vụ án thì làm cho việc giải quyết vụ án được chính xác hơn. Việc Toà án giải quyết việc rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tiếp tục giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan dẫn đến việc thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự. Cách giải quyết này tránh việc Toà án ra quyết định đình chỉ xét xử, sau đó nếu bị đơn đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đưa ra yêu cầu độc lập Toà án lại phải thụ lý và tiến hành các công việc chuẩn bị xét xử, trong khi đó quan hệ pháp luật tranh chấp, chủ thể của các quan hệ đó đã được Toà án thụ lý và thu thập chứng cứ. Vì vậy, quy định về thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự nhằm đảm bảo việc giải quyết tranh chấp nhanh chóng, tiết kiệm, hiệu quả. Khi thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự thì quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự sẽ thay đổi v.v., nên kể từ thời điểm các đương sự thay đổi địa vị tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định theo yêu cầu của nguyên đơn mới, các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng theo

⁶ Từ điển Tiếng Việt, NXB Đà Nẵng, Trung tâm từ điển học, năm 2003, tr. 764.

địa vị được thay đổi. Tuy nhiên, BLTTDS không quy định về thời điểm thực hiện việc phản tố của bị đơn và đưa ra yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và Điều 219 BLTTDS không quy định cụ thể hậu quả của việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện nên nhận thức về điều luật này có nhiều quan điểm khác nhau.

a. Về thời điểm thực hiện quyền phản tố của bị đơn

Quan điểm thứ nhất cho rằng: Bị đơn chỉ được thực hiện quyền yêu cầu phản tố cùng với việc nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo khoản 1 Điều 176 BLTTDS, tức là không quá ba mươi ngày kể từ ngày bị đơn nhận được thông báo thụ lý. Bởi, “quy định “cùng với việc” trong điều luật này nhấn mạnh thời điểm thực hiện quyền phản tố chứ không quy định về quyền được phản tố”⁷. Hơn nữa, phải hiểu thời điểm bị đơn có quyền phản tố như thế thì mới có thể có thời gian để xét xử vụ án được kịp thời. Do đó, nếu để bị đơn phản tố sau đó sẽ làm cho vụ án bị kéo dài, khó có thể kết thúc đúng thời hạn được⁸.

Quan điểm thứ hai cho rằng: “Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố vào bất cứ thời điểm nào họ muốn, việc quy định nội dung thay đổi địa vị tố tụng tại Điều 219 trong thủ tục hỏi tại phiên tòa sơ thẩm đã thể hiện việc bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố ngay tại phiên tòa, HĐXX sẽ quyết định về án phí đối với họ mà không cần phải nộp tiền tạm ứng án phí”⁹. Quan điểm này dựa trên các lập luận sau:

Thứ nhất, cụm từ “cùng với việc” của khoản 1 Điều 176 có nghĩa bị đơn có quyền yêu cầu phản tố chứ không phải là xác định quyền phản tố dứt khoát chỉ có thể được chấp nhận trong giai đoạn này;

Thứ hai, đối với nguyên đơn không chỉ có quyền khởi kiện mà còn có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện cho đến thời điểm mở phiên tòa. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập cũng không bị hạn chế về thời gian khi đưa ra yêu cầu độc lập. Vì vậy, để đảm bảo quyền bình đẳng với các đương sự khác thì bị đơn phải có quyền đưa ra yêu cầu phản tố vào bất kỳ thời điểm nào, kể cả tại phiên tòa;

Thứ ba, việc xem xét yêu cầu phản tố của bị đơn trong cùng vụ án với nguyên đơn sẽ làm cho việc giải quyết vụ án nhanh chóng, chính xác, thuận lợi và tiết kiệm hơn. Nếu không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn tại phiên tòa thì Tòa án vẫn phải giải quyết yêu cầu đó ở một vụ án khác nếu bị đơn khởi kiện, như vậy sẽ rất mất thời gian.

Quan điểm thứ ba cho rằng, bị đơn có quyền yêu cầu phản tố cho đến trước khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Chúng tôi đồng tình với quan điểm này vì những lý do sau:

Thứ nhất, nếu trước phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn có quyền đưa ra yêu cầu và có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện không bị giới hạn bởi phạm vi đơn khởi kiện ban đầu thì bị đơn cũng phải có quyền phản tố đối với các yêu cầu đó của nguyên đơn; còn tại phiên tòa sơ thẩm thì nguyên đơn được thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện nhưng không được vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu vì vậy bị đơn cũng chỉ có quyền thay đổi, bổ sung yêu cầu phản tố so với yêu cầu ban đầu (nếu có) chứ không được đưa ra yêu cầu phản tố mới.

Thứ hai, nếu bị đơn thực hiện quyền phản tố trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, bị đơn vẫn thực hiện được nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí mà không phải hoãn phiên tòa. Hơn nữa, “quá trình giải quyết vụ án dân sự thường là tương đối dài nên bị đơn có điều kiện để cân nhắc kỹ việc có đưa ra yêu cầu phản tố hay không”¹⁰. Còn tại phiên

⁷ Tài liệu hội thảo khoa học cấp trường, Đề tài: “Về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2005; tr. 96.

⁸ Tài liệu hội thảo khoa học cấp trường, Đề tài: “Về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2005; tr. 17.

⁹ Tài liệu hội thảo khoa học cấp trường, Đề tài: “Về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2005; tr. 15.

¹⁰ Tài liệu hội thảo khoa học cấp trường, Đề tài: “Về việc thi hành Bộ luật Tố tụng Dân sự”, Trường Đại học Luật Hà Nội, năm 2005; tr. 15.

toà sơ thẩm bị đơn thực hiện quyền phản tố thì Toà án không thể làm thủ tục gia hạn để giải quyết vụ án bởi “việc xét xử của Toà án... phải được tiến hành liên tục trừ thời gian nghỉ. Các thành viên của HĐXX phải xét xử vụ án từ khi bắt đầu cho đến khi kết thúc trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 198” (Điều 197 BLTTDS), trong khi đó để giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn thì Toà án cũng phải tiến hành những thủ tục cần thiết như thủ tục thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn (Điều 178 BLTTDS). Như vậy, nếu quy định bị đơn có quyền phản tố tại phiên toà sơ thẩm sẽ dẫn đến vi phạm về thời hạn tố tụng, không đảm bảo được quyền lợi của đương sự cũng như bình đẳng giữa các đương sự.

b. Giải quyết hậu quả của việc nguyên đơn rút đơn khởi kiện

Ý kiến thứ nhất cho rằng, HĐXX sẽ ra quyết định tách vụ án, sau đó ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo điểm c khoản 1 Điều 192 và Điều 193 BLTTDS và đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày Toà án ra quyết định. HĐXX tiếp tục xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự.

Ý kiến thứ hai cho rằng, hiện nay chưa có hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc tách vụ án dân sự nên sau khi xác định nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện, HĐXX chỉ xem xét với yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự. Cuối cùng HĐXX ra bản án, trong đó phần quyết định của bản án sẽ quyết định đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn và quyết định về việc xét xử yêu cầu phản tố hoặc yêu cầu độc lập. Chúng tôi đồng tình với ý kiến thứ ba cho rằng, HĐXX sẽ đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn chứ không đình chỉ giải quyết vụ án. Vấn đề này được nêu ra và

quyết định trong bản án, đương sự không có quyền kháng cáo đối với quyết định đó. HĐXX tiếp tục xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn hoặc yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và thay đổi địa vị tố tụng của các đương sự. Bởi thực chất quy định tại Điều 219 BLTTDS là quy định cụ thể, tiếp nối của Điều 218 đối với trường hợp đặc biệt là vụ án có yêu cầu phản tố của bị đơn, yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập. Cho nên, trên cơ sở phân tích tại điểm a mục 2.1 chúng tôi cho rằng, HĐXX sẽ đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn trong bản án và phần quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trên cơ sở phân tích các nội dung trên chúng tôi đưa ra kiến nghị sau:

Điều 176 BLTTDS cần được bổ sung thêm khoản 3 theo hướng: “*Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố cho đến trước thời điểm mở phiên toà sơ thẩm*”.

Khoản 1 Điều 218 BLTTDS cần được sửa theo hướng: “*HĐXX chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu của đương sự, nếu việc thay đổi, bổ sung yêu cầu không làm xuất hiện thêm quan hệ pháp luật tranh chấp mới so với yêu cầu khởi kiện, yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập ban đầu*”.

Khoản 2 Điều 218 BLTTDS cần được bổ sung theo hướng: “*Trong trường hợp đương sự rút một phần hoặc toàn bộ yêu cầu của mình và việc rút yêu cầu của họ là tự nguyện thì HĐXX chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu hoặc toàn bộ yêu cầu đã rút, quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu có hiệu lực pháp luật ngay*”.

Điều 219 BLTTDS cần được bổ sung thêm khoản 3 theo hướng: “*Toà án quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu của nguyên đơn, yêu cầu phản tố của bị đơn (nếu có) trong phần quyết định của bản án. Phần quyết định đình chỉ xét xử yêu cầu có hiệu lực pháp luật ngay*”.